

30 NĂM, THƠ VIỆT NAM ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP

Mã Giang Lân⁽¹⁾

Đại thắng mùa Xuân 1975, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nhân dân ta: đất nước thống nhất, non sông liền một dải, một kỷ nguyên mới mở ra cho dân tộc.

Nhưng thực tế thì mọi ý nguyện đều diễn ra không dễ dàng và đơn giản. Ba mươi năm chiến tranh để lại bao khó khăn, phức tạp: đời sống thiếu thốn và cả những mệt mỏi thường tình hiện ra với nhiều dạng vẻ.

Nói rằng chiến tranh đã kết thúc, nhưng biên giới Tây Nam và phía Bắc tiếng súng vẫn không ngừng, máu của đồng bào ta, chiến sĩ ta vẫn còn đổ. Bao nhiêu cuộc tiễn đưa, bao nhiêu gia đình lại ly tán. Rồi những thế lực phản động bên ngoài tìm mọi cách kích động, xuyên tạc, bao vây, cô lập chúng ta giữa những ngấn ngang của thời kỳ hậu chiến.

Mặt khác, về chủ quan, chúng ta vẫn tiếp tục quản lý xã hội theo cách vận hành đời sống chiến tranh và đến lúc này được đẩy lên mức cao hơn: tập trung, quan liêu, bao cấp. Hậu quả của cơ chế này là gần mười năm sản xuất trì trệ, kinh tế không phát triển, đời sống nhân dân không được cải thiện. Từ đây tâm tư tình cảm con người phân tán, bức tranh xã hội tiêu điều, chân dung đất nước mở nhạt với thế giới bên ngoài.

Năm 1986, sự nghiệp Đổi mới diễn ra ở mọi cấp độ đã làm thay đổi diện mạo đất nước, ảnh hưởng trực tiếp đến tư

tương tình cảm và tư duy sáng tạo nghệ thuật của các nhà thơ cũng như các văn nghệ sĩ nói chung. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI - Đảng Cộng sản Việt Nam nhấn mạnh: "Phát huy yếu tố con người và lấy việc phục vụ con người làm mục đích cao nhất của mọi hoạt động" là định hướng quan trọng cho mọi suy nghĩ và hành động. Mấy chục năm trước do hoàn cảnh đặc biệt: ba mươi năm chiến tranh, đất nước tạm thời bị chia cắt cùng với những nhận thức chưa được quan niệm đúng đắn. Con người nhà thơ có khi phải sống trong nguy tạo, chưa có sự thống nhất giữa hình thức bên ngoài và nội dung bên trong. Ngay những năm đầu hoà bình, đời sống văn học nghệ thuật có nhiều chuyển biến, một số nhà thơ vẫn còn ở trong trạng thái phân đôi: thực tại khó khăn mà thơ lại cú ca hát.

Từ sau 1986, cái tôi nhà thơ được khẳng định, cá tính sáng tạo được tôn trọng, con người cá nhân được đặt ở vị trí ưu tiên. Bên cạnh giọng điệu ngợi ca, thơ chấp nhận nhiều giọng điệu, nhiều sắc thái tâm lý: nỗi buồn, cô đơn, tâm trạng xao xuyến không yên của thời mở cửa, kinh tế thị trường. Nhưng đây cũng là thời cơ để thơ phát triển mạnh mẽ, trước hết là về số lượng. Trên cái mặt bằng thơ ấy, người đọc có thể thấy được giá trị đích thực và những bài học của phong trào sáng tác thơ.

⁽¹⁾ GS TS, Khoa Văn học, Trường Đại học Khoa học Xã hội & Nhân văn, ĐHQGHN

Đến lúc này lực lượng sáng tác động hơn. Bên cạnh các thế hệ được khẳng định từ trước Cách mạng tháng Tám 1945, thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, xuất hiện một thế hệ nhà thơ mới sung sức, khao khát sáng tạo, được khẳng định như: Nguyễn Quang Thiều, Trương Nam Hương, Đoàn Thị Lam Luyến, Phạm Thị Ngọc Liên, Lê Thị Kim... Và cũng từ cái lực lượng đông đảo ấy khối lượng thơ được in nhiều, chưa bao giờ có như thế.

Một diện mạo mới của thơ dần dần hiện ra qua Giải thưởng hàng năm của Hội nhà văn Việt Nam, các giải thưởng từ các cuộc thi của báo Văn nghệ, Tạp chí Văn nghệ quân đội, giải thưởng của nhiều cơ quan đoàn thể khác. Ở giải thưởng Hội nhà văn, sự góp mặt của các nhà thơ được nhiều chú ý. Năm 1991: *Khúc hát người xa xứ* của Trương Nam Hương, *Tặng riêng một người* của Lê Thị Mây, năm 1992: *Một chấm xanh* của Phùng Khắc Bắc, năm 1993: *Sự mất ngủ của lửa* của Nguyễn Quang Thiều, *Xúc xắc mùa xuân* của Hoàng Nhuận Cầm, năm 1994: *Di cảo thơ*, tập II của Chế Lan Viên, năm 1995: *Thư mùa đông* của Hữu Thịnh, năm 1996: *Gọi nhau qua vách núi* của Thi Hoàng, năm 1999: *Cánh rừng nhiều đom đóm bay* của Nguyễn Đức Mậu, năm 2000: *Trầm tích* của Hoàng Trần Cương, *Mưa trong thành phố* của Lê Thành Nghị và năm 2001: *Cõi lạ* của Thu Nguyệt, *Một ngọn đèn xanh* của Trúc Thông. Nhìn chung các tập thơ được Giải thưởng Hội nhà văn hàng năm, dư luận bạn đọc cũng như giới phê bình không phải bao giờ cũng nhất trí

trong sự đánh giá. *Một chấm xanh* của Phùng Khắc Bắc giành được sự đồng thuận và đánh giá cao của nhiều đối tượng. Tập thơ của một nhà thơ, sinh thời, không một ai biết đến, đã gây được một cảm tình đặc biệt, được cảm nhận theo một hướng chung là khẳng định.

Trên tinh thần dân chủ, tự do sáng tạo, mở rộng hình thức xuất bản, nền thơ ca đa dạng phong phú đã xuất hiện những quan niệm đổi mới cực đoan. Một số bài thơ, tập thơ gây ra nhiều ý kiến luận bàn tranh cãi. Nhưng nhìn chung đổi mới, đúng hướng là chính. Và từ những đổi mới thơ Việt Nam đã hội nhập với mặt bằng thơ hiện đại thế giới.

1. Nét nổi bật trong thơ sau 1975 là khẳng định con người cá tính

Điều này có thể thấy ở ngay tên gọi của nhiều tập thơ, bài thơ: *Tôi vẽ mặt tôi* của Lê Minh Quốc, *Tôi gọi tôi* của Đinh Thị Thu Vân, *Người đi tìm mặt* của Hoàng Hưng... Thơ trở về với đời tư, cái tôi được biểu hiện và trở thành một khát vọng âm thầm nhưng mãnh liệt: "Em trở về đứng nghĩa trái tim em" (Xuân Quỳnh).

Cái tôi không giấu giếm, tìm mọi cách khẳng định mình, thể hiện mình:

"Vẽ tôi một nét môi cười

Một dòng nước mắt một đời phù du"

(Hoàng Phủ Ngọc Tường)

Cái tôi trải nghiệm, đau khổ, xót xa, triết lý về một thời phải biến dạng ẩn hình: "Anh là tháp Bayon bốn mặt. Dấu đi ba còn lại đấy là anh. Chỉ có mặt đó mà nghìn trò cười khóc. Làm đau ba mặt kia trong cõi ẩn hình" (Chế Lan Viên). Cái tôi bản ngã đích thực chứ không phải

là những con người của lý trí bỏ quên cái riêng độc đáo: "Ta phải là cả phần xác lẫn phần hồn" (Phùng Khắc Bắc).

Con người với tư cách hiểu đầy đủ và mang tính nhân văn nhất phải chứa đựng những tâm tư, tình cảm sâu lắng, những vui buồn đau khổ và ngay cả những bi kịch cá nhân. Buồn vui cũng do hoàn cảnh, trạng thái tình cảm. Chiến tranh đi vào quá khứ, cuộc sống đặt ra nhiều so sánh, đối nghịch, những trải nghiệm trong cuộc sống, những mất mát đã qua và những thiệt thòi không được bù đắp... đều tạo nên những cảm hứng. Nhiều bài thơ khai thác nỗi buồn, cô đơn. Buồn vì xa nhau, buồn vì sự trôi chảy của thời gian mà giờ đây "đầu hần hai thứ tóc", buồn vì sự lẻ loi, lạc lõng, buồn vì thế thái nhân tình, buồn vì phận làm người chưa chọn vẹn, ngay cả đến lúc sắp chết cũng không đành lòng nhắm mắt:

"Nhà làm chưa xong

Vợ học chưa xong

Con học chưa xong

Nhiều cái chưa xong

Và chết cũng không đành lòng nhắm mắt"

(Phùng Khắc Bắc)

Đây không phải là cái chết về vang, cái chết trở thành bất tử như trong thơ những năm kháng chiến. Đây là cái chết âm thầm, cái chết buồn tủi. Đọc tập thơ *Người hái phù dung* của Hoàng Phủ Ngọc Tường, chúng ta cảm nhận được nỗi buồn từ tác giả, một nỗi buồn được nâng lên thành triết lý, có sức ám ảnh về những điều muôn thuở liên quan đến sự hiện hữu của nhà thơ, rộng ra đến cả kiếp người về tình yêu - sự sống - cái

chết... Và tất cả đều được tư duy bằng kinh nghiệm buồn của chính nhà thơ, thông qua những đối chiếu với thời gian, cuộc sống: "Nghe thời gian xoã sợi buồn xuống vai".

Cùng với nỗi buồn là sự cô đơn. Cô đơn trong đơn lẻ và cô đơn ngay giữa cuộc sống bộn bề náo nhiệt:

"Ta lang thang khắp phố phường

Người đồng lòng vẫn lạnh lùng phố ơ."

(Nguyễn Thị Thu Hồng)

Nỗi buồn và sự cô đơn là hai trạng thái tình cảm thường đi liền với nhau. Trong nỗi buồn và sự cô đơn đó có thể nhận ra những triết lý về thân phận con người.

Thơ kháng chiến trước đây không thế: trước đây vui tươi, hồi hả: chúng tôi, chúng ta, lũ chúng tôi... Còn bây giờ, *tôi* trong thơ thường là cá nhân, cá thể, chỉ là *tôi, một mình, chỉ mình*:

"Chỉ mình em vẫn đợi chờ"

(Lê Thu)

"Một mình em thơ thẩn với trăng"

(Hiển Phương)

"Một mình anh thức dậy đợi mặt trời"

(Việt Hà)

Cái cá nhân, cá thể khi ứng xử, ứng nghiệm trong những cảnh ngộ đã mở ra ý nghĩa nhân sinh:

"Mới sáng ra - đã chiều rồi

Cuộc đời thoát bỗng xa vời là xa"

(Nguyễn Thị Hồng Ngát)

"Chưa tiêu gì ra món

Đã hết veo cuộc đời"

(Đoàn Thị Lam Luyện)

Thời gian không trở lại, con người ngày một già đi “Đời người như giấy mỏng - hồn người như cỏ lau” mong manh và dễ tan biến. Con người luôn phải vật lộn với những điều được, mất, mấy ai được suôn sẻ, thăng tiến, đó là chưa kể những thân phận lênh đênh, bèo bọt, chìm nổi mà con đường phía trước thì mệnh mang vô định:

“Đi đâu ? Về đâu

Đời em dò lỗ nhịp cầu

Bờ mi trĩu nặng vương mầu trăm luân”

(Nguyễn Đỗ Lưu)

Có nhà thơ quay về trò chuyện với trái tim mình. Bằng vốn sống và kinh nghiệm bản thân, thơ hiện lên những lo âu mới đầy trác ẩn về những vấn đề đời tư, thế sự với thái độ dửng dưng, tự vấn. Trước hết họ đối diện với chính mình để phát hiện sự trống vắng đến bất ngờ mà có thời họ từng hy vọng:

“Trên cánh đồng của chính mình

Tôi gieo vãi, bón chăm và thu lượm

Những hạt giống nhiều mầu cát kỹ

Ngõ mùa sau thành cây trái vàng mơ

Nhưng ngoảnh lại

giật mình

hoang vắng

Tôi đã gieo tôi

cần kiệt không ngờ”

(Lâm Thị Mỹ Dạ)

Nhìn nhận con người từ nhiều phía, mỗi nhà thơ có cái nhìn riêng, độc đáo bộc lộ độ sâu của chính bản thân mình, từ đó tạo nên sự đa dạng, phong phú, sinh động cho thơ. Trong cái đa dạng phong phú, sinh động của thơ có một nguồn cảm hứng mạnh mẽ là cảm hứng

về tình yêu và hạnh phúc. Trước đây cả dân tộc đang “gồng mình” chiến đấu, các nhà thơ ít chú ý đến tình cảm riêng tư. Bây giờ hết thế hệ này đến thế hệ khác viết thơ tình. Thời kháng chiến cái riêng hoà với cái chung, tình yêu con người gắn với tình yêu đất nước trong một lựa chọn tự giác, tự nguyện:

“Anh yêu em như yêu đất nước

Vất vả đau thương tươi thắm vô ngần”

(Nguyễn Đình Thi)

“Diệt Mỹ là cao cả của tình yêu”

(Chế Lan Viên)

Sau này, chủ yếu ở lớp nhà thơ trẻ đi sâu vào tình yêu lứa đôi, hạnh phúc gia đình, những buồn vui và cả những mất mát với nhiều sắc thái, có êm ái, có thơ mộng nhưng nhiều hơn là những éo le, nghịch lý cùng những đam mê cuồng nhiệt. Lúc này thơ tình không ồn ào chói sáng mà bình dị, thâm trầm không có chuẩn mực, khuôn mẫu nào gò ép, những vần thơ như bật lên từ cuộc sống con người. Cái bi hài trong tình yêu hạnh phúc cũng bộc lộ:

“Lương thoang thoang qua như trút hương trời

Đồng nhuận bút hiếm hơi lọt vào nhà trống

Vợ chồng nằm ngủ với nhau dần do như vụng trộm

Không sợ cái nào bằng cái sợ sinh con”

(Nguyễn Duy)

Thơ tình khai thác tình yêu, hạnh phúc ở nhiều khía cạnh khổ đau, mất mát, dằn vặt và sự thiếu hụt để rồi chia sẻ với con người và mách bảo con người biết trân trọng những gì cao đẹp, quý báu mà tình yêu hạnh phúc mang đến.

2. Khẳng định con người cá tính, trong đó con người không tự thỏa mãn mà luôn tìm kiếm những giá trị tinh thần

Trở về quá khứ, khai thác truyền thống là một hướng thể hiện cái tôi. Khác với thơ kháng chiến, thơ bây giờ không tồn tại như những phạm trù khái quát, những biểu tượng cao vời mà hiện hình trong những đường nét cụ thể, những con người, những mái đình, ngày hội, quê hương có cội nguồn lịch sử. Hầu hết các nhà thơ đều có những vần thơ về bà, về mẹ, về người thân với những cảm xúc chân thành, biết ơn xen lẫn những ân nân của kẻ đã một thời lãng quên, vô tình với những gì thân yêu nhất.

"Hai mươi năm xa cách quê hương

Tóc sấp bạc lần đầu về gõ mẹ"

(Xuân Tùng)

"Thương cha tóc bạc như mây trắng

Cối gió đồng hành gánh lúa về

Bụi hoa phố hội con nào biết

Mồ hôi sinh thành ướt đẫm chân đê"

(Phan Hoàng)

Trở về với quá khứ, thơ cũng trở về với thiên nhiên, mượn thiên nhiên để gửi gắm tình người. Thiên nhiên với cỏ cây, hoa lá, bầu trời... là sức sống lâu bền, là chỗ dựa cho sự bình yên, là điểm tựa của tâm hồn, là nguồn cảm xúc về cái đẹp của tình yêu, hạnh phúc gia đình và quê hương đất nước. Xa rời thiên nhiên, chìm lấp trong những xô bồ phố xá, con người sẽ thiếu hụt và mất cân bằng nhân cách. Con người và thiên nhiên luôn tồn tại trong một tương quan bền vững và đối lập trong một không gian, thời gian ước lệ, giữa bé nhỏ và cô đơn với cái mệnh

mông xa vắng, giữa hữu hạn cuộc đời với cái vô hạn vô cùng của trời đất... Nhưng trên hết, thiên nhiên trong thơ như một đối tượng để nhìn ngắm, gửi gắm và chiêm nghiệm. Đứng thờ ơ xa lánh thiên nhiên. Ngay sau mấy năm đầu hoà bình (1978), có lần Nguyễn Duy đã ra lời cảnh báo trước những vô tình, quên lãng: "Từ hồi về thành phố - quên ánh điện của gương - vắng trăng đi qua ngõ - như người đứng qua đường...". Nhưng rồi thỉnh linh đèn điện tắt, ngựa mặt lên nhìn: "Trăng cứ tròn vành vạnh - kể chi người vô tình - ánh trăng im phăng phắc - dù cho ta giết mình" (*Ánh trăng*). Bây giờ Anh Ngọc trở về chiến khu xưa với những đêm mưa, đêm trăng, những ánh lửa, nương ngô và nhận những tình cảm giữa người với người, tình cảm thiên nhiên với đất nước: "Giữa bốn bề bát ngát. Núi cao đứng giăng thành. Đường biên yên giấc ngủ. Để trăng trời đứng canh" (*Trăng trên Mường Khương*).

Ngô Văn Phú là nhà thơ viết nhiều về thiên nhiên. Đủ cả trời xanh có nắng, mưa sớm nắng trưa, chim vườn, mây núi, trăng sao... Ở đây tất cả thấm đượm một tâm hồn thương yêu, hồn hậu. Hoà mình với thiên nhiên, trò chuyện cùng thiên nhiên như người bạn tâm tình và chính thiên nhiên bằng sợi dây vô hình lại buộc chặt con người với quê hương. Cũng có lúc qua thiên nhiên cây cỏ, chim muông, nhà thơ muốn gửi gắm những suy ngẫm và cách ứng xử cuộc đời:

"Mặc đời cho kẻ bon chen

Dấn thân vào cuộc đỏ đen làm gì !

Kìa như chim chích chim ri

Ngẩn ngơ với lúa, vãn vi với đời."

(Chim chích, chim ri)

Và như thế con người cảm thấy thanh thản, tâm hồn được thanh lọc giữ được nhân tính trong một môi trường thanh sạch trong trời.

3. Cái tôi nhà thơ không bao giờ chỉ là cá nhân đơn lẻ, cách biệt, mà bao giờ cũng nằm trong một cấu trúc cuộc sống, hoà đồng để trầm tư chiêm nghiệm

Chiêm nghiệm về lịch sử dân tộc, về thế sự nhân sinh. Bằng cách đó thơ gắn với cuộc đời. Đối diện với đời thường thơ miêu tả những vết đau hiện hữu của xã hội như tệ quan liêu, cửa quyền, thói cơ hội, đặc biệt những vấn đề về số phận con người trong môi trường mới đang có sự xuống cấp, báo hiệu những lương tâm đang bị tha hoá.

Thơ nói đến người nghèo “cất lời nước mắt lần đầu ăn xin” (Lê Đình Cánh), đời sống khốn đốn vì thiên tai mất mùa, vì cường hào mới ở nông thôn (*Thơ chủ nhật* - Như Hà). Hình ảnh người nghèo hiện lên thật thương cảm. Xót xa hơn, một thầy giáo vì nghèo túng mà phải đi bán sách, những quyển sách mà trước đây thầy từng nâng niu trân trọng:

“Phút thấy trò vừa nhận ra nhau
Đôi tay trần tuột rơi chồng sách cũ
Giữa quán sách nghèo bán mua lặng lẽ
Mười năm xa gặp lại lững lờ”

(**Nguyễn Thái Vận**)

Xã hội với những xô bồ phức tạp, kẻ giàu người nghèo. Bao người đang phải đeo đẳng cái số phận bản hàn, nghiệt ngã, lang thang cơ nhỡ, không nơi nương tựa, không chốn dung thân:

“Sống bụi bao người như rác bụi
Sớm nhật ve chai, tối hát rong

Kiếp người mà vậy như bèo bọt
Lúc dạt sân chùa, lúc bến sông...”

(**Nguyễn Thái Sơn**)

Kiếp người mong manh âm đạm. Vất biết cảnh này còn diễn ra ở nhiều nơi vì tồn tại đến bao giờ không phải là vấn đề của ngày một ngày hai, nhưng rõ ràng thơ đã cất lên những tiếng nói đầy tình nhân văn, thể hiện lòng yêu thương đồng loại, bằng những chân dung trần trụi sống động của đời thường như thức tỉnh mọi người hãy yêu thương và có trách nhiệm với đồng loại.

Đất nước trong thời kỳ mở cửa đã có những chuyển biến rõ rệt trong đời sống Bên cạnh những mặt tốt, còn không ít những tiêu cực, thoái hoá diễn ra hàng ngày, ở một mức độ nào đó có ảnh hưởng đến đời sống văn hoá dân tộc. Các nhà thơ đã quan tâm và không ngần ngại nêu lên:

“Thời mở cửa, cửa các nhà khép kín
với nhau hơn

Ít chạy sang xin lửa nhà hàng xóm
Chỉ có các cửa hàng là mở rộng”

(**Bùi Việt Phong**)

Vì đồng tiền, vì mưu sinh, con người trở nên ích kỷ, hẹp hòi hơn và quên đi những nét đẹp của đời sống tinh thần mà mỗi người phải có. Cũng từ đó là những số phận bị đẩy đưa, chôn vùi vào nơi tội lỗi. Nguyên nhân do đâu? Câu hỏi cứ day dứt:

“Ai đưa em đến chốn này
Rượu bia tràn cốc, lá say mềm người
Ai hay nước mắt tiếng cười
Mưa trong tím nắng cuộc đời gốc dân”

(**Phạm Đông Hưng**)

Thời bấy giờ vắng âm hưởng vui, “mỗi thơ đều dội tiếng ta cười” (Chế Lan Viên) mà thay vào đó là sự chán chường mệt mỏi trước cuộc sống bộn bề ngang trái. Cũng là cực đoan, chỉ nhìn về một phía, nghiêng về phía âm đạm của cuộc đời, nghiêng về phía thế sự đời tư nhỏ nhoi tội nghiệp và dẫn tới sự thu nhỏ kích thước, tầm cỡ của một số hình tượng (mẹ, tổ quốc, nhân dân...). Trong thơ kháng chiến, mẹ là biểu tượng của tổ quốc, nhân dân hy sinh, bền bỉ kiên cường. Người mẹ trong thơ bấy giờ lặng lẽ với cái nghèo khổ.

“Đời mẹ chẳng lúc nào thanh thản cả
Cái đời day dứt dằng dịt cái nghèo”

(Trương Nam Hương)

Những bài thơ viết về mẹ, hướng khai thác chủ yếu đi sâu vào một số phạm cụ thể và trong cái nhỏ bé, tội nghiệp.

“Mẹ ta không có yếm đào

Nón mè thay nón quai thao đội đầu”

(Nguyễn Duy)

Nhân dân, tổ quốc, quê hương... vẫn là lẽ sống thiêng liêng một thời cũng được xác định lại trong những cảm quan chơi vơi, hoài nghi, cay đắng (Tổ quốc của Dư Thị Hoàn)

Nhìn hiện thực với một nỗi lo âu và sự xuống cấp của nhân cách và những giá trị tinh thần là cái nhìn tích cực, điều này có thể thấy qua tập thơ *Một chấm xanh* của Phùng Khắc Bắc và *Sự mất ngủ của lửa* của Nguyễn Quang Thiều, những tập thơ đã được đánh giá như là tiếng nói trách nhiệm về những vấn đề thế sự nhân sinh. Tuy nhiên quá trình phân hoá, đa dạng hoá gắn liền với ý thức cá nhân, với những phức tạp trong

tư duy sáng tạo thơ nhiều khi đã trở nên lạc lõng, xa lạ.

4. Cái tôi theo xu hướng hiện đại chủ nghĩa xuất hiện ở một số tập thơ

Các tập thơ *36 bài tình* (1989) của Lê Đạt - Dương Tường, *Ngựa biển* (1988), *Người đi tìm mặt* (1993) của Hoàng Hưng, *Bến lạ* (1991), *Ô mai* (1993) của Đặng Đình Hưng, *Bóng chữ* (1994) của Lê Đạt... đã gây nên những tranh luận ồn ào, kết cục rất phân tán, có khi đối cực. Một số ý kiến ca ngợi đây thực sự là những sáng tạo, tiên phong thể hiện nỗi khát khao tự nhận thức triệt để của con người hiện đại, đây là cuộc phơi bày tận cùng bản ngã “để cho ngòi bút dẫn dắt bởi một lực giấu mặt, khiến đồng hiện bên nhau những mảnh vụn thực tại xa cách về không gian, thời gian giống như trong giấc mơ hoà tấu những ngôn ngữ của trí tuệ, tình cảm, trực giác, tiềm thức, tâm linh” (Hoàng Hưng). Những ý kiến ngược lại cho đây là trò chơi “bịt mắt, bắt dê” giữa tác giả và người đọc “ngô hầu lẫn mò, dắt diu nhau về phía sau của mặt trăng, phía toàn bản năng và những cơn hôn mê ú ớ” (Trần Mạnh Hào). Những cố gắng đổi mới thơ, hiện đại hoá thơ để thơ chúng ta hội nhập với thơ thế giới là điều đáng trân trọng, đáng khuyến khích. Có thời kỳ do những định hướng, do những yêu cầu của đất nước, thơ nhiều khi mô tả, kể lể, nói cho đủ, cho hết và thiên về phản ánh trực tiếp đời sống những cái giống như, cái có lý, nên đã hạn chế khả năng biểu hiện, sức tưởng tượng phong phú và những liên tưởng độc đáo của thơ. Mở rộng chiều kích và chú ý đúng mức đến đặc trưng thơ, thơ hiện đại Việt Nam có thêm phẩm chất mới, diện mạo mới.

Thơ cần có nhiều tìm tòi để nói được những điều sâu kín nhất, mong manh nhất, mơ hồ nhất của tâm hồn con người, thơ phải thực nhưng cũng cần phải ảo, có ý thức và cả vô thức, tiềm thức, tâm linh.

Hoàng Cầm viết nhiều bài thơ hư ảo hoá, siêu thực hoá một vùng quê Kinh Bắc trong cái thiên nhiên lung linh mờ ảo, những môi tình như mộng như mơ. Trong thơ Hoàng Cầm không gian và thời gian đều không xác định, chỉ thấy *mê, say, vịnh hằng, hư vô...* và nhạt nhoà trong những *đêm, những mưa*. Mưa khắp không gian, mưa suốt thời gian, ngập tràn tâm tưởng. Lê Đạt chăm chút **Bóng chữ**, Đặng Đình Hưng thể nghiệm những bài thơ văn xuôi. Các nhà thơ có xu hướng hiện đại tham vọng “đi vào miền còn hoang dã” tìm tới “tâm lý miền sâu” của con người, cố gắng tìm kiếm cái gì đấy như là một thèm khát gạt bỏ ý thức, chìm vào vô thức. Họ không dừng lại ở cái gì đã có, đã được nói, đã được viết, do đó hình ảnh thơ, ngôn ngữ thơ tung phá, chệnh vênh, lộn xộn, vụt hiện, thoát biến, vô nghĩa. Lê Đạt nói: “Mỗi con chữ trong câu thơ dật dẫ trên đường tâm thức ra khỏi lối đi ngữ nghĩa “tiêu dùng” một điều quen thuộc hàng ngày, tức là một ngữ nghĩa được thông báo theo một kênh thẩm mỹ khác.

Đề cao vô thức nhưng các nhà thơ hiện đại có ý thức xoá bỏ vắn luật, cú pháp, thực hiện một thứ tự do không giới hạn cho ngôn ngữ: mọi từ đều được tự do, chẳng cần nhịp, chẳng cần dấu ngoặc câu, chẳng cần ngữ nghĩa:

“Trắng vỗ ổ hô Trúc Bạch

Bước động ngày thon róc rách”

(Lê Đạt)

Và tôn thờ âm thanh, âm thanh là trước hết: “Xanh em - xanh mấy xanh mùa - xanh anh - xanh mấy em mùa - hương em - hương mấy em - mùa hương - mùa hương đi tóc xanh - mắt xanh - tình xanh - đi nơi xanh - rừng xanh - tìm xanh - tìm anh” (Đặng Đình Hưng). “Noel - đèn - môi em - xa em - Jêzusalem - pha phem...” (Dương Tường)

Đối với nhà thơ theo xu hướng hiện đại thì thơ chính là sự lựa chọn chốc lát, trở về cuộc sống tức thì, thu mình vào cuộc sống tâm linh, chẳng bận tâm tới ý thức, tới những gì đã định sẵn. Ở đây ta thấy cái vô lý, buông xuôi than vãn. Quay về với đời thường, vô nghĩa, nhàm chán, buồn bực rồi thèm muốn vô biên nhưng chỉ là huyền tưởng, thất vọng, họ phơi bày bản năng, ẩn ức, chửi thề, phá ngang, thách thức số phận, họ nửa tỉnh nửa say để trở thành điên loạn.

Sự thực thì mọi điều đều có giới hạn, có độ của nó. Biết ứng xử một cách tinh tế, lịch sự sẽ có được một cộng hưởng nên thơ. Nhiều nhà thơ trẻ hiện nay đã có ý thức đưa thơ đến vô thức, tiềm thức, tâm linh, vận dụng những yếu tố tượng trưng, siêu thực... tạo cho thơ khả năng biểu hiện những cảm giác mơ hồ thuộc tầng sâu của tâm hồn con người.

Những năm giao thời thế kỷ, thiên niên kỷ, các cây bút trẻ càng có ý thức cách tân quyết liệt. Vì Thuỳ Linh, Vãn Cầm Hải, Phan Huyền Thư, Nguyễn Bắc Chấn, Phan Hoàng, Phan Nhiên Hạo, Lý Hoàng Ly, Lê Thị Mỹ Ý... triển khai ý tưởng đến tận cùng, bản ngã được mở ra nhiều hướng, ngôn ngữ thơ phóng túng như ngựa hoang trên “đại lộ tư duy”. Họ thực sự đã biến đổi những thói quen, th

hiểu thẩm mỹ truyền thống, tạo ra diện mạo mới cho thơ:

Biểu hiện cuộc sống bằng những ám thị, ẩn dụ

Tư duy gián đoạn, không liên tục

Tự do ghép chữ tạo hình theo biểu tượng

Sử dụng câu thơ vắt dòng.

Trong thơ trẻ, chúng ta thấy nhiều tìm tòi đi vào vùng sâu, vùng xa của vô thức, tiềm thức, có những liên tưởng độc đáo, vừa là hiện thực đời sống vừa chứa đựng những yếu tố tâm linh. Hình thức thơ cũng vô cùng phong phú:

“Trong bóng đêm, em thấy mình đi thâu chân trời

Con sóng bạc đầu khao khát một khung trời mới lạ

Vẫn là biển đầy thoi, biển mặn mòi như thế

Giọt nước mắt hôm xưa khóc giọt nước bây giờ”

(Trong bóng đêm - Lê Thị Mỹ Ý)

“Em lầm lũi lại đến trước nhà anh, nhật xác nổi buồn đốt lên thành lửa

Rời đi

Sau lưng em nắng tắt”

(Từ phía nắng tắt-Vi Thuỳ Linh)

Và một biến thể lục bát rất sáng tạo, rất mới:

“Dòng sông - hoa tím

Trôi hờ

Lao xao những bước chân

Chờ gặp nhau”

(Không còn bức tranh ngày cũ - Hoàng Ngân)

Đổi mới hội nhập, thơ Việt Nam 30 năm qua, khẳng định được những giá trị mới, khẳng định mình bằng một tư thế mới, cái nhìn mới đối với hiện thực, bằng lao động sáng tạo đích thực. Có phần đã được hưởng ứng tích cực, có những điều bất cập và cả những lầm lẫn cần nỗ lực vượt lên. Đó là sự ngộ nhận hồn nhiên về tính hiện đại của thơ ca. Họ muốn vứt bỏ truyền thống, muốn từ khoảng không vùng vẫy tự do, tạo ra những ly kỳ khác lạ đến rối rắm, không đầu, không cuối để rơi vào nghi ngờ, xa lánh, không có sự đồng cảm, vì không có ai hiểu nổi. Thơ trẻ, có trường hợp quá sa đà khai thác tình dục như một thách thức dư luận. Với nghệ thuật, tình dục không phải là điều cấm kỵ. Cái chính là cần hiểu, cần tài năng để thể hiện vấn đề đó, tạo nên những khoái cảm thẩm mỹ, nếu không, ngược lại sẽ là dung tục hoá gây phản cảm. Và một điều không nên quên là sáng tạo gì thì cũng cần dựa trên giá đỡ tâm lý và mỹ tục của dân tộc, không thể bất chấp, lại càng không thể phá phách, hư vô.

30 YEARS, VIETNAMESE POETRY – RENOVATION AND INTEGRATION

Prof. Dr. Ma Giang Lan

*Departments of Literature,
College of Social Sciences and Humanities, VNU*

This paper has made the following comments:

The great victory in the anti-American war in 1975 has had an extremely important signification to the country and directly affected emotions, thinking in art creation of Vietnam poets, in particular, and artists, in general.

Since 1986, Vietnam renovation has been implemented in all social levels as well as in the poetry. The “self” of poets has been affirmed, creative personality has been respected, human individual has been placed in privileged position. Vietnamese poetry has developed to the level of the modern in the world:

Human beings are affirmed with various personalities

Human kind always look for spiritual values

Human kind in patterns of life, harmony, thinking, speculation.

Human kind are looked at through consciousness, unconsciousness, subconsciousness

Since the turn of the century, and the new millennium, young poets have had brave innovations. They have changed habits, and traditional tastes, and have created a new face of poetry: expressing through metaphors, combining words to create images with symbols, using verses rhyming with verses in another line